

Số: 1243/QĐ-UB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 12 năm 1981

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi một số điểm của bản điều lệ tạm thời về thu lệ phí khai thác đất công và điều lệ tạm thời về thu lệ phí bến xe, bến ghe, bến tàu, bến đò, giữ xe 2 bánh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp ngày 27 tháng 10 năm 1962;
- Căn cứ vào Nghị định của Hội đồng Chính phủ số 24/CP ngày 2-2-1976 ban hành bản quy định và nhiệm vụ quyền hạn và trách nhiệm của chính quyền Nhà nước cấp Tỉnh, Thành trong lãnh vực quản lý kinh tế;
- Theo đề nghị của đồng chí Giám đốc Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. – Sửa đổi Điều 4, 5, 6, 7 và 8 của Bản Điều lệ tạm thời về thu lệ phí khai thác đất công ban hành kèm theo Quyết định số 294/QĐ-UB ngày 5-4-1977 của Ủy ban Nhân dân thành phố như sau

1) ĐIỀU 4 MỚI:

a) Mức thu căn bản cho mỗi chỗ trong khu vực chợ và những bãi đất được bố trí làm nơi buôn bán coi như chợ.

- Khu vực trong chợ, diện chợ và mức thu.

DIỆN CHỢ	Thực phẩm tươi sống quả bánh chế biến bằng	HÀNG KHÁC
----------	---	-----------

	lương thực phụ	
- Chợ do cấp Quận, Huyện quản lý	0đ25/m ² /ngày hoặc 5đ00/m ² /tháng	0đ30/m ² /ngày hoặc 6đ00/m ² /tháng
- Chợ do cấp Phường, Xã quản lý	0đ20/m ² /ngày hoặc 4đ00/m ² /ngày	0đ25/m ² /ngày hoặc 5đ00/m ² /tháng

- Khu vực sân chợ

- Mức thu sân chợ bằng 80% mức thu trong lòng chợ.

DIỆN CHỢ	Thực phẩm tươi sống quả bánh chế biến bằng lương thực phụ	HÀNG KHÁC
- Chợ do cấp Quận, Huyện quản lý	0đ20/m ² /ngày hoặc 4đ00/m ² /tháng	0đ25/m ² /ngày hoặc 5đ00/m ² /tháng
- Chợ do cấp Phường, Xã quản lý	0đ15/m ² /ngày hoặc 3đ20/m ² /ngày	0đ20/m ² /ngày hoặc 4đ00/m ² /tháng

- Khu vực bán hàng ăn giải khát.

- Khu vực bán hàng ăn

Giải khát có bày bàn ghế trong chợ hoặc ở sân chợ thu đồng loạt	0đ40/m ² /ngày hoặc 9đ00/m ² /tháng
---	--

2) ĐIỀU 5 MỚI:

- Mức thu tiền chỗ ngoài khu vực chợ.

a) Chỗ được phép bày bán hàng, hành nghề thủ công trên đường phố chính, công viên, quanh bến xe, bến ghe, tàu trong Thành phố và Thị trấn.	0đ30/m ² /ngày hoặc 8đ30/m ² /tháng
--	--

- Chỗ được phép bày bán hàng, hành nghề thủ công ngoài khu vực trên	0đ25/m ² /ngày hoặc 6đ00/m ² /tháng
---	--

- Nếu có cho tăng dù, bày bàn
ghế hoặc hàng công kênh,
chỗ sửa xe gắn máy, tủ lạnh,
ô tô. 0đ40/m²/ngày hoặc
10đ00/m²/tháng

b) Những quán hàng được phép xây cất trên đất công xung quanh khu vực chợ, bến xe, bến ghe, tàu, ga xe lửa, công viên trong thành phố, thị trấn để bày hàng buôn bán hoặc dùng vào sinh lợi khác:

- Hành nghề tiểu thủ công
nghiệp 0đ40/m²/ngày hoặc
10đ00/m²/tháng
- Buôn bán 0đ50/m²/ngày hoặc
12đ00/m²/tháng

Chủ quán không phải nộp tiền thuê đất công và thuế Thổ trạch nhà.

3) ĐIỀU 6 MỚI:

a) Hàng hoá từ phương tiện vận tải bốc lên, xuống bến bãi, đường phố hoặc chuyển thẳng từ phương tiện vận tải đi ngang qua lề đường vào kho.

- Thống nhất thu 2 phần ngàn trên giá trị hàng hoá (không kể trọng lượng).

- Hàng hoá vận chuyển trong Thành phố chỉ tính một lần bốc lên hoặc bốc xuống trong 1 ngày.

b) Điều này không áp dụng:

- Hàng hoá bốc lên bốc xuống ở các bến bãi không ảnh hưởng đến lưu thông chung.

- Hàng hoá Nhà nước, xí nghiệp quốc doanh, Hợp tác xã chở bằng xe các loại bốc thẳng từ xe vào kho hoặc ngược lại, nếu ở những nơi này không có điều kiện cho phương tiện vận tải vào bên trong được.

Hàng của Mậu dịch quốc doanh bán lẻ, Hợp tác xã chở đi phân phối trực tiếp cho người tiêu thụ.

- Tài sản của nhân dân di chuyển chỗ ở hành lý, súc vật của nhân dân đi lại không có tính chất buôn bán tạm để ở lề đường rồi chuyển đi.

- Tài sản của nhân dân chuyển đi vùng kinh tế mới được Phường, Xã cho phép xếp ở nơi qui định.

4) ĐIỀU 7 MỚI :

a) Các hình thức choán đất công lấn lộ giới để chứa hàng hoá, vật liệu (trừ vật liệu làm cầu đường của ngành Giao thông vận tải để ở khu vực công trình) làm ụ ghe, ụ tàu... từ một ngày trở lên ở quanh khu vực chợ, công viên, bến xe, bến ghe, bến tàu, nhà ga : 0đ40/m²/ngày. Ở khu vực khác 0đ20/m²/ngày.

- Các kho bãi thuộc tài sản của xí nghiệp quốc doanh áp dụng theo qui chế của xí nghiệp quốc doanh.

b) Bảng quảng cáo hàng hoá hoặc vật thể có tính chất quảng cáo khác đặt trên lề đường, gắn trên tường nhô ra phía lề đường, hoặc gắn trên bao lon, mái hiên vượt qua lộ giới và ở trên các bãi đất công khác thu 0đ30/m²/ngày cho mỗi bảng (nếu bảng dưới 1m² thì thu 1m²).

5) ĐIỀU 8 MỚI :

+ Lấn lộ giới mở rộng chỗ ở dưới hình thức xây nhà hoặc bao chiếm làm sân nhà:

- Hộ có hoạt động kinh doanh 10đ00/m²/năm

- Hộ không hoạt động kinh doanh 2đ20/m²/năm

+ Điều này cũng áp dụng trong các khu cư xá do Nhà nước quản lý có đông người ở, tùy tiện lấn chiếm đất mở rộng khu vực nhà ở, cho mái hiên, hoặc dựng lên chòi trại, nhà phụ khác ngoài diện tích thiết kế ban đầu:

Điều 2. – Sửa đổi Điều 4, 5, 6 và 9 của bản Điều lệ tạm thời về thu lệ phí bến xe, bến ghe, bến tàu, bến đò, gởi xe 2 bánh, ban hành kèm theo Quyết định số 294/QĐ-UB ngày 5-4-1977 của Ủy ban Nhân dân thành phố như sau:

1) ĐIỀU 4 MỚI:

- Những phương tiện vận tải dùng vào hoạt động kinh doanh đậu ở các bến bãi đất công theo tuyến đường được phép hoạt động, người sử dụng phương tiện vận tải phải nộp lệ phí như sau:

1) Xe 4 bánh có động cơ:

+ Xe tải trên 4 tấn và xe khách có trên 40 chỗ ngồi : 4đ00/ngày/xe hoặc 90đ00/tháng/xe

+ Xe tải từ 1,5 tấn đến dưới 4 tấn và xe khách từ 15 đến dưới 40 chỗ ngồi: 3đ00/ngày/xe hoặc 67đ00/tháng/xe.

+ Xe tải dưới 1,5 tấn và xe khách xe con dưới 15 chỗ ngồi : 2đ00/ngày/xe hoặc 45đ00/tháng/xe.

- Xe đăng ký hoạt động trong 6 huyện ngoại thành hoặc liên huyện ngoại thành kể cả các huyện giáp ranh với Tỉnh khác 1đ50/ngày/xe hoặc 34đ00/tháng/xe.

2) Xe ba bánh có động cơ:

+ Xe lam : 1đ20/ngày/xe hoặc 27đ00/tháng/xe.

- Xe đăng ký hoạt động trong 6 huyện ngoại thành, hoặc liên huyện ngoại thành: 0đ60/ngày/xe hoặc 13đ50/tháng/xe.

+ Xe xích lô máy, xe ba bánh gắn máy và xe gắn máy có thùng ở sau dùng chở hàng và chở khách thuê: 0đ80/ngày/xe hoặc 17đ00/tháng/xe.

- Xe đăng ký hoạt động trong 6 huyện ngoại thành hoặc liên huyện ngoại thành : 0đ40/ngày/xe hoặc 8đ50/tháng/xe.

3) Xe ba bánh không có động cơ, xe súc vật kéo: 0đ40/ngày/xe hoặc 8đ00/tháng/xe.

- Miễn thu xe hoạt động trong 6 huyện ngoại thành, hoặc liên huyện ngoại thành.

4) Các loại tàu, ghe có hàng hoặc không có hàng cập bến – ngoài khu vực thương cảng Khánh Hội và quân cảng, tạm nộp theo bản kèm.

- Tàu ghe cập bến thuộc công trình kiến trúc của xí nghiệp công (hạch toán kinh tế) áp dụng theo quy chế của xí nghiệp cảng.

2) ĐIỀU 5 MỚI:

- Các loại xe, ghe, tàu đăng ký nộp khoán hàng tháng sẽ được giảm 255 (đã được tính thành tiền ghi trong Điều 4 nêu trên và được ghé bất cứ bến nào trong Thành phố trên tuyến đường được phép hoạt động).

- Xe, ghe, tàu nộp lệ phí theo chuyến, theo ngày, chỉ có giá trị ở bến, bãi nộp lệ phí.

- Các loại xe 3,4 bánh sau ngày hoạt động hoặc những ngày nằm chờ mỗi, nghỉ, sửa chữa... được phép đậu ở khu vực: Phố chính, công viên, ga xe lửa, bến xe, bến ghe, chợ... nộp lệ phí tiền chỗ :50% lệ phí bến.

- Các nơi khác tùy mức độ ảnh hưởng lưu thông và hoạt động công cộng

của nhân dân phải nộp 25% lệ phí bến hoặc miễn.

3) ĐIỀU 6 MỚI:

- Những người được phép khai thác bến đó, được thu cước qua đò như sau:

1) Đò máy và ghe xuống máy chéo tay, giá cước qua đò như sau:

- Hành khách	0đ20/lượt
- Hành khách + xe đạp	0đ30/lượt
- Hành khách + xe gắn máy	0đ60/lượt
- Hành khách + xe ba bánh đạp	1đ20/lượt
- Hành khách có gánh	0đ30/lượt

+ Hàng hoá khác: tùy theo diện tích, trọng tải hàng hoá, choán chỗ so với diện tích, trọng tải, choán chỗ của hành khách mà tính giá cước.

4) ĐIỀU 9 MỚI:

- *Miễn thu tiền đò cho:*

1) Học sinh trong những ngày đi học

2) Thương binh, người tàn tật, trẻ em dưới 6 tuổi.

Điều 3. – Các đồng chí Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Công an thành phố, Sở giao thông vận tải, Sở Vệ sinh, Sở Quản lý Nhà đất và công trình công cộng và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các Quận, Huyện chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**K/T Chủ tịch
Phó Chủ tịch**

NGUYỄN VÕ DANH